

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	3 - 5
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
5. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (“Nhóm Công ty”) cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó Chủ tịch
Bà Vũ Thị Thanh Hồng	Thành viên
Ông Ma Đức Tú	Thành viên
Ông Võ Hoàng Vũ	Thành viên
Ông Taira Yoshiyuki	Thành viên
Bà Hồ Thị Ngọc Tuyết	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Trần Thụy Bích Hân	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên

2. Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hoàng Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bình Trọng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc

3. Các đơn vị trực thuộc và công ty con

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh tại Hà Nội	Tầng 7, toà nhà Simco, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội.
Chi nhánh Đà Nẵng	76 – 78 Bạch Đằng, quận Hải Châu, Đà Nẵng.
Công ty TNHH Thép SMC	Đường 1B, KCN Phú Mỹ I, Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu.
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Đường số 5, KCN Đồng An, Thuận An, Bình Dương
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	124 Ung Văn Khiêm, phường 25, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Lô C5A Khu C, KCN Hiệp Phước, Nhà Bè, Hồ Chí Minh.
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	KCN Phú Mỹ I, Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu.
Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	Lô 52 đường số 3, KCN Tân Bình, Hồ Chí Minh.
Công ty Cổ phần SMC Hà Nội	Lô số 47, KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

4. Các hoạt động chính

- Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox;
- Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hoá nội địa và xuất khẩu.

5. Kết quả của thời kỳ tài chính

Tình hình tài chính của Nhóm Công ty vào ngày 31/03/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013 được trình bày từ trang 06 đến trang 30.

6. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

7. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Nhóm Công ty từ khi kết thúc thời kỳ tài chính.

8. Các khoản mục bất thường

Không có những điều bất thường nào có thể làm sai lệch bất kỳ số liệu nào được nêu trong báo cáo tài chính.

9. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính.

10. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

11. Phê duyệt của Hội đồng Quản trị

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013.

Thay mặt Hội đồng Quản trị




Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 20 tháng 04 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã	Thuyết	31/03/2013	01/01/2013
A. Tài sản ngắn hạn		100		2.358.444.268.734	1.723.024.746.334
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>		110	V.01	91.792.983.655	196.944.258.472
1. Tiền		111		90.960.922.065	91.944.258.472
2. Các khoản tương đương tiền		112		832.061.590	105.000.000.000
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>		120	V.02	18.614.447.338	18.883.098.000
1. Đầu tư ngắn hạn		121		21.702.595.263	21.971.245.925
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn		129		(3.088.147.925)	(3.088.147.925)
<i>III. Các khoản phải thu</i>		130	V.03	1.263.962.461.404	1.092.160.256.750
1. Phải thu khách hàng		131		1.208.267.214.302	1.040.338.914.386
2. Trả trước cho người bán		132		74.041.967.379	73.215.760.918
3. Các khoản phải thu khác		135		3.983.924.363	936.226.086
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		139		(22.330.644.640)	(22.330.644.640)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>		140	V.04	888.213.234.374	372.737.276.849
1. Hàng tồn kho		141		898.464.018.464	382.988.060.939
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		(10.250.784.090)	(10.250.784.090)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>		150	V.05	95.861.141.963	42.299.856.263
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151		903.396.995	703.464.829
2. Thuế GTGT được khấu trừ		152		78.437.724.168	32.641.428.093
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước		154		369.031.484	1.133.873.613
4. Tài sản ngắn hạn khác		158		16.150.989.316	7.821.089.728
B. Tài sản dài hạn		200		403.663.222.791	417.263.194.068
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>		210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>		220		288.020.843.553	300.751.513.944
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.06	189.083.186.918	199.432.210.420
- Nguyên giá		222		331.230.442.830	330.742.531.655
- Giá trị hao mòn lũy kế		223		(142.147.255.912)	(131.310.321.235)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		36.321.042.714	38.266.812.860
- Nguyên giá		225		38.915.402.909	38.915.402.909
- Giá trị hao mòn lũy kế		226		(2.594.360.195)	(648.590.049)
3. Tài sản cố định vô hình		227	V.07	54.586.401.370	54.618.638.505
- Nguyên giá		228		56.943.236.486	56.943.236.486
- Giá trị hao mòn lũy kế		229		(2.356.835.116)	(2.324.597.981)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		230	V.08	8.030.212.551	8.433.852.159
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>		240		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>		250	V.09	92.895.949.682	92.895.949.682
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		252		41.989.326.412	41.989.326.412
2. Đầu tư dài hạn khác		258		83.278.994.814	83.278.994.814
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn		259		(32.372.371.544)	(32.372.371.544)
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>		260	V.10	16.808.736.123	17.678.037.009
1. Chi phí trả trước dài hạn		261		3.104.215.403	3.973.516.289
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		262		10.703.043.077	10.703.043.077
3. Tài sản dài hạn khác		268		3.001.477.643	3.001.477.643
<i>VI. Lợi thế thương mại</i>		269	V.11	5.937.693.433	5.937.693.433
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		2.762.107.491.525	2.140.287.940.402

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính: VND


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2013	01/01/2013
A. Nợ phải trả	300		2.154.180.280.241	1.551.187.852.029
I. Nợ ngắn hạn	310	V.12	2.054.892.754.654	1.406.075.733.202
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		1.008.496.434.728	696.565.282.745
2. Phải trả người bán	312		994.635.785.887	669.473.912.941
3. Người mua trả tiền trước	313		16.013.931.679	9.455.151.348
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		20.793.596.493	13.356.120.905
5. Phải trả người lao động	315		715.482.247	5.202.634.131
6. Chi phí phải trả	316		-	1.097.557.412
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		2.506.983.500	2.562.701.948
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		11.730.540.120	8.362.371.772
II. Nợ dài hạn	330	V.13	99.287.525.587	145.112.118.827
1. Phải trả dài hạn khác	333		210.600.000	210.600.000
2. Vay và nợ dài hạn	334		73.668.620.867	73.668.620.867
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		25.408.304.720	71.232.897.960
B. Vốn chủ sở hữu	400		602.688.341.933	583.905.867.815
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	602.688.341.933	583.905.867.815
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		295.183.610.000	295.183.610.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		153.531.767.160	153.531.767.160
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
3. Cổ phiếu quỹ	414		(142.489.800)	(142.489.800)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		51.560.893	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		80.484.783.647	74.085.676.264
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		16.652.246.242	16.652.246.242
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		56.926.863.790	44.595.057.948
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439	V.15	5.238.869.351	5.194.220.558
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.762.107.491.525	2.140.287.940.402

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/03/2013	01/01/2013
1. Nợ khó đòi đã xử lý	187.223.826	187.223.826
2. Ngoại tệ các loại - USD	629.585,63	408.142

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính


Đỗ Doãn Thành Công
 Người lập biểu


Nguyễn Bình Trọng
 Kế toán trưởng




Nguyễn Ngọc Anh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 20 tháng 04 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay Từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013	Năm trước Từ ngày 01/01/2012 đến 31/03/2012	Năm nay Từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013	Năm trước Từ ngày 01/01/2012 đến 31/03/2012
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		2.510.565.990.992	1.889.237.023.267	2.510.565.990.992	1.889.237.023.267
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		533.334.526	1.463.592.321	533.334.526	1.463.592.321
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.16	2.510.032.656.466	1.887.773.430.946	2.510.032.656.466	1.887.773.430.946
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.17	2.408.548.343.132	1.826.789.595.654	2.408.548.343.132	1.826.789.595.654
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		101.484.313.334	60.983.835.292	101.484.313.334	60.983.835.292
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.18	4.412.574.100	6.122.860.525	4.412.574.100	6.122.860.525
7. Chi phí tài chính	22	VI.19	15.232.455.693	25.832.324.363	15.232.455.693	25.832.324.363
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.596.529.312	21.816.785.985	11.596.529.312	21.816.785.985
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính			-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.20	21.759.225.658	17.165.029.879	21.759.225.658	17.165.029.879
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.21	16.037.598.077	11.655.725.445	16.037.598.077	11.655.725.445
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		52.867.608.006	12.453.616.130	52.867.608.006	12.453.616.130
11. Thu nhập khác	31	VI.22	1.461.795.796	6.359.200.883	1.461.795.796	6.359.200.883
12. Chi phí khác	32	VI.23	2.121.824.148	2.878.464.676	2.121.824.148	2.878.464.676
13. Lợi nhuận khác	40		(660.028.352)	3.480.736.207	(660.028.352)	3.480.736.207
14. Lợi nhuận (lỗ) từ đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	45		-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		52.207.579.654	15.934.352.337	52.207.579.654	15.934.352.337
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.24	7.041.056.606	2.593.551.989	7.041.056.606	2.593.551.989
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.25	-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		45.166.523.048	13.340.800.348	45.166.523.048	13.340.800.348
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho:			-	-	-	-
19. Lợi ích của Cổ đông thiểu số	61		44.648.793	47.045.949	44.648.793	47.045.949
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	62		45.121.874.255	13.293.754.399	45.121.874.255	13.293.754.399
21. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	70	VI.26	1.529	450	1.529	450

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính


Đo Đuan Thành Công
 Người lập biểu


Nguyễn Bình Trọng
 Kế toán trưởng


Nguyễn Ngọc Anh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 20 tháng 04 năm 2013



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

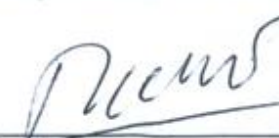
Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013

Đơn vị tính: VND


HỢP NHẤT SMC

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 31/03/2012
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
<i>Lợi nhuận trước thuế / (lỗ)</i>	01	52.207.579.654	15.934.352.337
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	12.814.941.958	8.528.876.278
Các khoản dự phòng	03	-	-
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(393.923.063)	635.741.754
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.635.435.458)	(1.234.413.298)
Chi phí lãi vay	06	11.416.755.418	21.816.785.985
<i>Lợi nhuận trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	74.409.918.509	45.681.343.056
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(217.739.615.540)	281.080.274.553
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(515.475.957.525)	(214.647.983.360)
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	(197.342.398.433)	(124.618.035.071)
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	669.368.720	(119.257.859)
Tiền lãi vay đã trả	13	(11.416.755.418)	(24.557.407.279)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.088.137.707)	(7.709.546.848)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	(7.509.701.721)	80.651.968.148
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.128.776.779)	(227.743.541.929)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(882.622.055.894)	(191.982.186.589)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(2.030.041.713)	(1.119.114.022)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	781.243.029	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.450.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.984.852.338	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	268.650.662	(21.508.480.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	850.583.120	1.620.109.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	405.287.436	(21.007.485.022)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	-	41.610.000.000
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.313.312.625.047	2.554.843.324.780
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.514.095.121.207)	(2.490.699.743.025)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(1.493.853.798)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(20.658.156.400)	(14.755.825.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	777.065.493.642	90.997.756.755
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(105.151.274.817)	(121.991.914.856)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	196.944.258.472	236.432.641.518
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(738.460.798)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	91.792.983.655	113.702.265.864

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Đổ Doãn Thành Công
Người lập biểu



Nguyễn Bình Trọng
Kế toán trưởng




Nguyễn Ngọc Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 04 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/10/2004 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 11 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303522206 ngày 06/11/2012.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SMC kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2006 theo Giấy phép niêm yết số 62/UBCK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 295.183.610.000 đồng, được chia thành 29.518.361 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng, tất cả cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông.

2 Tên giao dịch, trụ sở và các đơn vị trực thuộc

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: SMC Trading Investment Joint Stock Company. Tên viết tắt: SMC J.S.C.

- Trụ sở chính đặt tại: 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

- Chi nhánh Hà Nội và chi nhánh Đà Nẵng.

3 Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - thương mại - dịch vụ - xây dựng.

4 Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox (không sản xuất tại trụ sở). Xây dựng, lắp đặt công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi. Sửa chữa nhà ở, trang trí nội thất. Lập dự án đầu tư xây dựng. Kinh doanh nhà. Mua bán hàng kim khí điện máy, thực phẩm. Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hoá nội địa và xuất khẩu.

5 Danh sách công ty con và công ty liên kết, liên doanh

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi	Quyền
Công ty TNHH Thép SMC	Đường 1B, KCN Phú Mỹ 1, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại, và dịch vụ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV SMC Bình	Đường số 5, KCN Đồng An, Thuận An, Bình Dương	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép	KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Kinh doanh	124 Ung Văn Khiêm, phường 25, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV SMC Hiệp	Lô C5A Khu C, KCN Hiệp Phước, Nhà Bè, Hồ Chí Minh	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	Lô 52 đường số 3, KCN Tân Tạo, Hồ Chí Minh	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty CP SMC Hà Nội	Lô số 47, KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	80,64%	80,64%
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	50,00%	50,00%
Công ty CP SX TM VT Sao Việt	147/6 Ung Văn Khiêm, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	35,00%	35,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6 Tổng số công nhân viên

Tổng số lao động của Nhóm Công ty đến ngày 31/03/2013: 370 người.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1 Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- 2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam phù hợp với hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không chủ định trình bày nhằm cung cấp các thông tin tài chính theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ ngoài Việt Nam.

IV Các chính sách kế toán áp dụng

1. Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các Công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Nhóm Công ty theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Đầu tư vào Công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là một đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể và đơn vị đó không phải là một Công ty con hay một liên doanh.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được bao gồm trong giá trị sổ sách của khoản đầu tư và được phân bổ trong thời gian 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết, Nhóm Công ty ghi nhận phần tỉ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn sở hữu tương ứng của Nhóm Công ty. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch giữa Nhóm Công ty với Công ty liên kết sẽ được loại trừ tương ứng với phần lợi ích trong Công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

3. Đầu tư vào công ty liên doanh

Liên doanh là thoả thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Các liên doanh được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

4. Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế được lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết mà không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

5. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

7. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

9. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho theo phương pháp nhập sau xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

10. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 25 năm
Máy móc thiết bị	03 - 07 năm
Phương tiện vận tải	03 - 10 năm
Dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Quyền sử dụng đất	39 - 48 năm (theo thời hạn thuê)
Phần mềm	02 - 03 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty con được phân bổ trong thời gian 10 năm, bắt lợi thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty con được ghi nhận vào thu nhập trên báo cáo tài chính hợp nhất.

12. Hợp đồng thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hoá trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản nhằm phản ánh tỷ lệ lãi suất bình ổn phát sinh trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hoá được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính hoặc theo thời hạn thuê tài sản, nếu có cam kết là bên thuê sẽ không được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Máy móc thiết bị

05 năm

13. Chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Chi phí công cụ, dụng cụ
- Chi phí bảo hiểm
- Chi phí triển khai dự án
- Phí hạ tầng khu công nghiệp
- Chi phí cải tạo nhà kho
- Chi phí chờ phân bổ khác

14. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 24%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 21% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 9,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

16. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm: Công ty không trích lập theo thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp.

17. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

18. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

19. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

20. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào khối lượng dịch vụ cung cấp và người mua chấp nhận thanh toán.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu

Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập. Tuy nhiên, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được sẽ trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính có liên quan.

21. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

22. Thuế

Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các Công ty con ("Nhóm Công ty") có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang (nếu có). Nhóm Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Công ty TNHH MTV Cơ Khí SMC được hưởng thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi Dự án "Nhà máy Cơ khí - Thép SMC" bắt đầu hoạt động kinh doanh, được miễn thuế 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% cho 7 năm tiếp theo. Năm 2012 là năm tài chính thứ ba Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Công ty TNHH Thép SMC được hưởng thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi Dự án "Đầu tư mở rộng Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm thép" bắt đầu hoạt động kinh doanh. Năm 2012 là năm tài chính thứ sáu Công ty được hưởng thuế suất 15% đối với hoạt động gia công.

- Công ty Cổ phần SMC Hà Nội được hưởng thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi Dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến, đóng gói thủy sản, kho vận và gia công thép lá cuộn" bắt đầu hoạt động kinh doanh, được miễn 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo. Năm 2012 là năm tài chính thứ hai Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp. Tiền thuế đất được miễn 11 năm kể từ khi Dự án đi vào hoạt động.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Nhóm Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

23. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/03/2013	01/01/2013
Tiền mặt	9.904.202.906	2.949.950.042
Tiền gửi ngân hàng (*)	81.888.780.749	193.994.308.430
Cộng	91.792.983.655	196.944.258.472

(*) Trong đó, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ là 629,585.63 USD tương đương 12.990.084.760 đồng.

2. Đầu tư ngắn hạn	31/03/2013	01/01/2013
Tiền gửi trên 3 tháng	350.000.000	
Cho vay có kỳ hạn 15 ngày, lãi suất: 1,5 %/tháng	1.100.000.000	1.200.000.000
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (2.1)	10.252.595.263	10.771.245.925
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (2.1)	(3.088.147.925)	(3.088.147.925)
Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long (2.2)	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	18.614.447.338	18.883.098.000

(2.1) Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn và trích lập dự phòng tại thời điểm 31/03/2013

	Số cổ phần	Giá trị đầu tư	Trích lập dự phòng	Giá trị thuần
Chứng khoán đã niêm yết				
Công ty CP Thép Pomina	171.700	3.976.895.462	(1.779.135.462)	2.197.760.000
Công ty CP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	133.610	2.667.307.901	(209.958.563)	2.457.349.338
Chứng khoán chưa niêm yết				
Công ty CP Inlaco Sài Gòn	55.000	1.830.000.000	(730.000.000)	1.100.000.000
(*) Công ty CP Tư vấn XD Tổng h	29.714	632.908.200	(127.770.200)	505.138.000
Công ty CP Bao bì Sài Gòn	70.000	725.000.000	-	725.000.000
Công ty CP Đại lý Hàng Hải VI	11.200	420.483.700	(241.283.700)	179.200.000
Cộng		10.252.595.263	(3.088.147.925)	7.164.447.338

(*) Trong Quý I năm 2013, Công ty đã nhận được cổ tức được chia từ các công ty này bằng tiền là 22.286.000 đồng.

Quý I năm 2013 Công ty không xác định được giá thị trường từ các nguồn tin cậy cũng như giá trị sổ sách của các chứng khoán chưa niêm yết nêu trên nên số dư khoản dự phòng của các chứng khoán này được ghi nhận theo giá trị tại ngày 31/12/2010.

(2.2) Đầu tư mua 1.000 trái phiếu không chuyển đổi của Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long (mệnh giá 10.000.000 đồng / trái phiếu) với giá mua là 10.000.000 đồng / trái phiếu; kỳ hạn: 2 năm (từ 15/7/2011 đến 15/7/2013); lãi suất: năm đầu tiên: 27 %/năm, năm sau: 5 % + trung bình cộng lãi tiền gửi kỳ hạn 6 tháng của 4 ngân hàng. Trong Quý I năm 2013, Công ty đã nhận được lãi trái phiếu là 700.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Các khoản phải thu ngắn hạn		31/03/2013	01/01/2013
Phải thu khách hàng	(3.1)	1.208.267.214.302	1.040.338.914.386
Trả trước cho người bán	(3.2)	74.041.967.379	73.215.760.918
Phải thu khác	(3.3)	3.983.924.363	936.226.086
Dự phòng phải thu khó đòi		(22.330.644.640)	(22.330.644.640)
Cộng		1.263.962.461.404	1.092.160.256.750
(3.1) Bao gồm:		31/03/2013	01/01/2013
- Phải thu thương mại	(*)	1.198.815.946.594	1.031.419.939.987
- Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số VII.2)		9.451.267.708	8.918.974.399
Cộng		1.208.267.214.302	1.040.338.914.386
(*) Trong đó, bao gồm các khoản phải thu khách hàng có gốc ngoại tệ là 2,992,274.59 USD tương đương 62.323.095.159 đồng.			
(3.2) Bao gồm:		31/03/2013	01/01/2013
- Trả trước thương mại		72.841.967.379	73.215.760.918
- Trả trước từ các bên liên quan (Thuyết minh số VII.2)		1.200.000.000	
Cộng		74.041.967.379	73.215.760.918
(3.3) Bao gồm:		31/03/2013	01/01/2013
- Phải thu lãi từ tiền gửi, ký quỹ		702.197.034	626.663.701
- Phải thu lãi quá hạn		211.324.087	164.902.087
- Các khoản phải thu khác		3.070.403.242	144.660.298
Cộng		3.983.924.363	936.226.086
4. Hàng tồn kho		31/03/2013	01/01/2013
Nguyên vật liệu		389.639.673.031	216.719.332.616
Công cụ, dụng cụ		103.682.015	148.001.632
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (hàng gửi gia công)		1.890.036.146	2.336.867.866
Thành phẩm tồn kho		152.168.683.559	54.635.419.117
Hàng hoá		354.661.943.713	109.148.439.708
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(10.250.784.090)	(10.250.784.090)
Cộng		888.213.234.374	372.737.276.849
5. Tài sản ngắn hạn khác		31/03/2013	01/01/2013
Chi phí trả trước ngắn hạn		903.396.995	703.464.829
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		78.437.724.168	32.641.428.093
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa		369.031.484	1.133.873.613
Tài sản ngắn hạn khác	(*)	16.150.989.316	7.821.089.728
Cộng		95.861.141.963	42.299.856.263

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	31/03/2013	01/01/2013
(*) Bao gồm:		
- Các khoản tạm ứng	5.050.860.000	481.070.000
- Ký quỹ khác	3.431.017.600	20.000.000
- Ký quỹ mua hàng hoá - VND	2.762.359.728	2.743.359.728
- Ký quỹ mua hàng hoá (220,000.00 USD)	4.906.751.988	4.576.660.000
Cộng	16.150.989.316	7.821.089.728

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	137.878.039.163	126.992.749.236	49.145.749.090	16.725.994.166	330.742.531.655
Tăng	171.947.415	273.995.000	31.317.850	10.650.910	487.911.175
Giảm					
Số dư cuối kỳ	138.049.986.578	127.266.744.236	49.177.066.940	16.736.645.076	331.230.442.830
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	30.250.747.557	66.727.958.578	23.473.467.252	10.858.147.848	131.310.321.235
Tăng	3.175.405.287	4.796.821.571	2.145.831.625	718.876.194	10.836.934.677
Giảm					
Số dư cuối kỳ	33.426.152.844	71.524.780.149	25.619.298.877	11.577.024.042	142.147.255.912
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	107.627.291.606	60.264.790.658	25.672.281.838	5.867.846.318	199.432.210.420
Số dư cuối kỳ	104.623.833.734	55.741.964.087	23.557.768.063	5.159.621.034	189.083.186.918

Tài sản cố định hữu hình tăng trong năm do mua mới, mua tài sản cố định thuê tài chính, và xây dựng cơ bản hoàn thành. Tài sản cố định hữu hình giảm do nhượng bán.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 12.584.824.852 đồng.

Tại ngày 31/03/2013, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 136.509.569.782 đồng được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty như được trình bày tại thuyết minh số V.13.1 và V.14.1

7. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị
Nguyên giá	38.915.402.909
Khấu hao phát sinh	1.945.770.069
Khấu hao lũy kế	2.594.360.195
Giá trị còn lại	36.321.042.714

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Tài sản cố định vô hình	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	56.543.764.270	399.472.216	56.943.236.486
Tăng	-	-	-
Giảm	-	-	-
Số dư cuối kỳ	(*) 56.543.764.270	399.472.216	56.943.236.486
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.963.366.606	361.231.375	2.324.597.981
Tăng	16.335.891	15.901.244	32.237.135
Giảm	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.979.702.497	377.132.619	2.356.835.116
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	54.580.397.664	38.240.841	54.618.638.505
Số dư cuối kỳ	54.564.061.773	22.339.597	54.586.401.370

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng vô thời hạn tại 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh trị giá 33.607.900.000 đồng; quyền sử dụng đất tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ trị giá 1.374.739.810 đồng (đang làm thủ tục chuyển quyền sở hữu mang tên Công ty); quyền sử dụng đất có thời hạn 42 năm (đến tháng 11 năm 2046) tại Khu công nghiệp Đồng An, Thuận An, Bình Dương trị giá 2.349.927.620 đồng; quyền sử dụng đất có thời hạn 40 năm (đến 29/12/2048) tại Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Nhà Bè. Tp.HCM trị giá 18.861.911.706 đồng; quyền sử dụng đất (chi phí đền bù) có thời hạn đến tháng 7/2052 tại Khu Công nghiệp Quang Minh, Mê Linh, Vĩnh Phúc (nay là Thành phố Hà Nội) trị giá 349.285.134 đồng.

Nguyên giá phần mềm máy vi tính cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 191.817.216 đồng.

Giá trị quyền sử dụng đất được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay là 33.607.900.000 đồng như được trình bày tại thuyết minh V.13.1.

9. Xây dựng cơ bản dở dang	31/03/2013	01/01/2013
Chi phí liên quan đến việc lắp đặt phần mềm ERP	7.730.212.551	7.730.212.551
Các công trình khác	300.000.000	703.639.608
Cộng	8.030.212.551	8.433.852.159

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	31/03/2013	01/01/2013
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (10.1)	41.989.326.412	41.989.326.412
Đầu tư dài hạn khác (10.2)	83.278.994.814	83.278.994.814
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (10.3)	(32.372.371.544)	(32.372.371.544)
Cộng	92.895.949.682	92.895.949.682

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(10.1) Bao gồm:	Giá trị đầu tư	Phản lãi (lỗ) thuộc sở hữu của Công ty tại Công ty LK, LD	Cộng
Các công ty chưa niêm yết			
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	41.640.000.000	(65.423.588)	41.574.576.412
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vật tư Sao Việt (*)	1.750.000.000	(1.335.250.000)	414.750.000
Cộng	43.390.000.000	(1.400.673.588)	41.989.326.412

(*) Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vật tư Sao Việt (công ty liên kết) đã nhận được Giấy xác nhận số 069/CT-TTDL ngày 04/01/2012 về việc hoàn tất các nghĩa vụ về thuế và chấm dứt hiệu lực mã số thuế. Tuy nhiên, tính đến thời điểm lập báo cáo này, các bên liên quan chưa đạt được thỏa thuận về việc hoàn lại giá trị đầu tư nên Công ty chưa ghi nhận giảm khoản đầu tư nêu trên.

(10.2) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn và trích lập dự phòng tại thời điểm 31/03/2013

	Số cổ phần	Giá trị đầu tư	Trích lập dự phòng	Giá trị thuần
Chứng khoán đã niêm yết				
(*) Công ty CP Thép Pomina	1.430.000	33.599.960.344	(15.295.960.344)	18.304.000.000
Ngân hàng TMCP Công				
(*) Thương Việt Nam	50.000	808.227.270	-	808.227.270
Chứng khoán giao dịch trên sàn UPCOM				
(*) Công ty CP Thép Biên Hòa	473.170	12.175.807.200	(8.011.911.200)	4.163.896.000
(*) Công ty CP Thép Nhà Bè	115.000	2.720.000.000	(2.064.500.000)	655.500.000
Chứng khoán chưa niêm yết				
(*) Công ty CP Đầu tư Nam Khang	450.000	9.875.000.000	-	9.875.000.000
Công ty CP Thép tấm lá				
Thống Nhất	1.400.000	14.000.000.000	(7.000.000.000)	7.000.000.000
Tổng Công ty thép Việt Nam	1.000.000	10.100.000.000		10.100.000.000
Cộng		83.278.994.814	(32.372.371.544)	50.906.623.270

(*) Trong Quý I năm 2013, Công ty đã nhận được cổ tức được chia bằng tiền là 179.976.240 đồng.

Tại ngày 31/03/2013, Công ty không xác định được giá thị trường từ các nguồn tin cậy cũng như giá trị sổ sách của các chứng khoán chưa niêm yết nêu trên nên số dư khoản dự phòng của các chứng khoán này được ghi nhận theo xét đoán của Ban Giám đốc.

(10.3) Bao gồm:	Giá trị đầu tư	Trích lập dự phòng	Giá trị thuần
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	41.989.326.412		41.989.326.412
Đầu tư dài hạn khác	83.278.994.814	(32.372.371.544)	50.906.623.270
Cộng	125.268.321.226	(32.372.371.544)	92.895.949.682

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	31/03/2013	01/01/2013
11. Tài sản dài hạn khác		
Chi phí trả trước dài hạn	3.104.215.403	3.973.516.289
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại (11.1)	10.703.043.077	10.703.043.077
Tài sản dài hạn khác (11.2)	3.001.477.643	3.001.477.643
Cộng	16.808.736.123	17.678.037.009

(11.1) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ như sau

	31/03/2013	01/01/2013
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	5.357.544.331	5.357.544.331
- Chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.752.727.950	1.752.727.950
- Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	3.551.468.684	3.551.468.684
- Lỗi chênh lệch tỷ giá	41.302.112	41.302.112
- Chi phí khấu hao phát sinh tại Công ty TNHH Thép SMC	-	-
Cộng	10.703.043.077	10.703.043.077

(11.2) Bao gồm:

	31/03/2013	01/01/2013
Khoản ký quỹ tại Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	3.001.477.643	3.001.477.643
Cộng	3.001.477.643	3.001.477.643

	31/03/2013	01/01/2013
12. Lợi thế thương mại (*)	5.937.693.433	5.937.693.433

(*) Giá trị còn lại của lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty Cổ phần SMC Hà Nội chờ phân bổ

	31/03/2013	01/01/2013
13. Nợ ngắn hạn		
Vay và nợ ngắn hạn (13.1)	1.008.496.434.728	696.565.282.745
Phải trả người bán (13.2)	994.635.785.887	669.473.912.941
Người mua trả tiền trước (13.3)	16.013.931.679	9.455.151.348
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (13.4)	20.793.596.493	13.356.120.905
Phải trả người lao động	715.482.247	5.202.634.131
Chi phí phải trả	-	1.097.557.412
Các khoản phải trả khác (13.5)	2.506.983.500	2.562.701.948
Quỹ khen thưởng phúc lợi	11.730.540.120	8.362.371.772
Cộng	2.054.892.754.654	1.406.075.733.202

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(13.1) bao gồm:		31/03/2013	01/01/2013
- NH TMCP Công Thương - CN Tp.HCM	(a)	414.911.057.520	173.412.002.442
- NH TNHH MTV ANZ Việt Nam	(b)	76.500.000.000	98.151.347.364
- NH TNHH MTV HSBC Việt Nam	(c)	32.974.698.307	82.615.650.000
- NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tp.HCM	(d)	187.621.756.332	168.959.454.147
- Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong (VN)	(e)	12.000.000.000	
- Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (VN)	(f)	203.048.800.975	132.000.000.000
- Công ty TNHH SMC-Summit	(g)	66.000.000.000	24.000.000.000
- Vay nội bộ cá nhân		2.370.000.000	
- Vay dài hạn và nợ dài hạn thuê mua TC đến hạn trả		13.070.121.594	17.426.828.792
Cộng		1.008.496.434.728	696.565.282.745

(a) Khoản vay **Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh** theo hợp đồng tín dụng số 12.122061/HĐTDHM ngày 28/04/2012 với hạn mức tín dụng là 800 tỷ đồng; thời hạn vay: từ 3 đến 6 tháng; lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay; quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất là nhà phố sẽ hình thành trong tương lai tại địa chỉ số 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị ước tính là 50.498.000.000 đồng. Số dư nợ vay đến ngày 31/03/2013 là **414.911.057.520 đồng**.

(b) Khoản vay **Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)** theo thư đề nghị cung cấp tiện ích giữa Công ty TNHH Thép SMC, Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC, Công ty và Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) ngày 01/12/2011 với tổng hạn mức là 10.000.000 USD (Mười triệu dola Mỹ), thời hạn vay và lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Số dư nợ vay đến ngày 31/03/2013 là **76.500.000.000 đồng**.

(c) Khoản vay **Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)** theo thư đề nghị cung cấp tiện ích số VNM07120631 giữa Công ty TNHH Thép SMC, Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC, Công ty và Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) ngày 26/4/2012 với tổng hạn mức là 280 tỷ đồng, thời hạn vay và lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Số dư nợ vay đến ngày 31/03/2013 là **32.974.698.307 đồng**.

(d) Khoản vay **Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh** theo hợp đồng tín dụng số 0272/KH/11NH ngày 22/12/2011 với hạn mức tín dụng là 300 tỷ đồng; thời hạn vay: 4-6 tháng; lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là tài sản cố định thuộc sở hữu của Công ty TNHH Thép SMC với tổng giá trị đảm bảo là 35.973.778.422 đồng. Số dư nợ vay đến ngày 31/03/2013 là **187.621.756.332 đồng**.

(e) Khoản vay **Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong (Việt Nam)** theo hợp đồng tín dụng số HCM/2011/025/TTTD ngày 26/09/2011 với hạn mức tín dụng là 200 tỷ đồng. Thời hạn vay 01 tháng và lãi suất 8%. Số dư nợ vay đến ngày 31/03/2013 là **12.000.000.000 đồng**.

(f) Khoản vay **Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)** theo hợp đồng tín dụng số BFL/12-11 ngày 05/04/2012 với hạn mức tín dụng là 15.000.000 USD (Mười lăm triệu dola Mỹ). Thời hạn vay và lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Số dư nợ vay đến ngày 31/03/2013 là **203.048.800.975 đồng**.

(g) Vay Liên doanh Công ty TNHH SMC-Summit theo hợp đồng 007/SMC-2012 ngày 23/08/2012 và các phụ lục hợp đồng gia hạn, theo đó SMC vay với thời hạn 01 tháng, lãi suất 9%/năm, tiền lãi được trả cuối kỳ. Số dư nợ vay đến ngày 31/03/2013 là **66.000.000.000 đồng**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(13.2) Bao gồm:	31/03/2013	01/01/2013
- Phải trả thương mại	(*) 994.635.785.887	669.473.912.941
Cộng	994.635.785.887	669.473.912.941

(13.3) Chủ yếu là các khoản người mua trả trước liên quan đến các hợp đồng mua bán thép (số lượng và giá trị đã được xác định khi ký hợp đồng).

(13.4) Bao gồm:	31/03/2013	01/01/2013
- Thuế nhập khẩu	1.770.818.166	
- Thuế giá trị gia tăng nhập khẩu	11.158.536.586	
- Thuế giá trị gia tăng	996.217.228	6.346.902.275
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.607.972.689	6.560.891.588
- Thuế thu nhập cá nhân	260.051.824	448.327.042
Cộng	20.793.596.493	13.356.120.905

(13.5) Bao gồm:	31/03/2013	01/01/2013
- Kinh phí công đoàn, đoàn thể phí	771.054.443	730.402.542
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vật tư Sao Việt		1.185.000.000
- Phải trả Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt		-
- Nhận đặt cọc cho thuê kho ngắn hạn	-	-
- Phải trả các bên liên quan (thuyết minh số VII.2)	578.222.222	211.777.778
- Các khoản phải trả khác	1.157.706.835	435.521.628
Cộng	2.506.983.500	2.562.701.948

14. Nợ dài hạn	31/03/2013	01/01/2013
Phải trả dài hạn khác (nhận đặt cọc cho thuê kho)	210.600.000	210.600.000
Vay và nợ dài hạn	(14.1) 73.668.620.867	73.668.620.867
Doanh thu chưa thực hiện	(14.2) 25.408.304.720	71.232.897.960
Cộng	99.287.525.587	145.112.118.827

(14.1) Chi tiết khoản vay dài hạn:	31/03/2013	01/01/2013
- NH TMCP Công Thương - CN Tp.HCM	(a) 51.370.000.000	51.370.000.000
- Nợ dài hạn (Cty TNHH Cho thuê TC Quốc tế VN)	(b) 22.298.620.867	22.298.620.867
Cộng	73.668.620.867	73.668.620.867

(a) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng 09.675003/HỆTD.TDH ngày 30/7/2009, tổng hạn mức tín dụng: 99,9 tỷ đồng, thời hạn vay 7 năm, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay thực hiện dự án đầu tư nhà máy Cơ khí Thép SMC tại khu công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay trong tương lai. Số dư nợ vay tại ngày 31/03/2013 là **31.570.000.000 đồng**.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Hợp đồng tín dụng 12.146001/HĐTD.DH ngày 12/12/2012, tổng hạn mức tín dụng: 20 tỷ đồng, thời hạn vay 78 tháng, thời gian ân hạn là 6 tháng, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 15 %/năm và sẽ được điều chỉnh 3 tháng/lần. Mục đích vay thực hiện dự án đầu tư xây dựng Trung tâm gia công thép lá cuộn tại Lô số 47, khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản gắn liền với đất và quyền phát sinh liên quan đến quyền thuê đất tại Lô số 47, khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội theo hợp đồng thế chấp tài sản số 12.146001.HĐTC.HTTTTL ngày 12/12/2012 với giá trị tài sản thế chấp là 34.294.000.000 đồng. Số dư nợ vay tại ngày 31/03/2013 là **19.800.000.000 đồng**.

(b) Bao gồm các khoản nợ dài hạn phải trả liên quan đến các hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam theo hợp đồng thuê mua tài chính 2011-00090-000 ngày 21/10/2011 và 2011-00105-000 ngày 04/11/2011. Số dư nợ đến ngày 31/03/2013 là **22.298.620.867 đồng**

(14.2) Khoản nhận trước từ doanh thu chưa thực hiện từ khách hàng liên quan đến các hợp đồng mua bán thép (số lượng và giá trị đã được xác định khi ký hợp đồng):

15. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	01/01/2013	Tăng	Giảm	31/03/2013
(a) Vốn đầu tư chủ sở hữu	295.183.610.000	-	-	295.183.610.000
Thặng dư vốn cổ phần	153.531.767.160	-	-	153.531.767.160
(b) Cổ phiếu quỹ	(142.489.800)	-	-	(142.489.800)
Chênh lệch tỷ giá		51.560.893		51.560.893
Quỹ đầu tư phát triển	74.085.676.265	6.399.107.383		80.484.783.648
Quỹ dự phòng tài chính	16.652.246.243			16.652.246.243
(c) Lợi nhuận chưa phân p	44.595.057.948	45.121.874.255	32.790.068.413	56.926.863.790
Cộng	583.905.867.816	51.572.542.531	32.790.068.413	602.688.341.934

(a) Công ty đã đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 9 ngày 05/12/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Theo đó, vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 295.183.610.000 đồng tương đương 29.518.361 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu	31/03/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	29.518.361	29.518.361
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	29.518.361	29.518.361
- Cổ phiếu thường	29.518.361	29.518.361
Số lượng cổ phiếu mua lại	(6.718)	(6.718)
- Cổ phiếu thường	(6.718)	(6.718)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.511.643	29.511.643
- Cổ phiếu thường	29.511.643	29.511.643

(b) Tính đến 31/03/2013, Công ty đã mua lại 6.718 cổ phần với giá mua 21.210 đồng/cổ phần làm cổ phiếu quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(c) Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận phân phối còn lại năm 2012

- Lợi nhuận lũy kế đến 01/01/2013	11.804.989.535
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2012	44.595.057.948
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2012	(6.399.107.383)
- Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát đợt 2/2012	(5.512.804.630)
- Trả cổ tức (đợt cuối) năm 2012 bằng tiền	(220.000.000)
- Trả cổ tức (đợt cuối) năm 2012 bằng tiền	(*) (20.658.156.400)

Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm nay

- Lợi nhuận sau thuế phát sinh năm 2012	45.121.874.255
---	----------------

Lợi nhuận lũy kế đến 31/03/2013

56.926.863.790

(*) Ngày 09 tháng 01 năm 2013, Hội đồng Quản trị Công ty thống nhất thông qua việc chia cổ tức đợt 2 năm 2012 bằng tiền là 7% trên mệnh giá theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 09/01/2013.

16. Lợi ích cổ đông thiểu số

Lợi ích cổ đông thiểu số đầu tư vào Công ty Cổ phần SMC Hà Nội	31/12/2012	01/01/2012
	5.238.869.351	5.194.220.558
Cộng	5.238.869.351	5.194.220.558

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

17. Doanh thu thuần

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	Từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 31/03/2012
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.508.174.421.835	1.886.065.428.345
Các khoản giảm trừ	2.391.569.157	3.171.594.922
	(533.334.526)	(1.463.592.321)
Cộng	2.510.032.656.466	1.887.773.430.946

18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp	Từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 31/03/2012
	2.408.548.343.132	1.826.789.595.654
Cộng	2.408.548.343.132	1.826.789.595.654

19. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	Từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 31/03/2012
Lãi ký quỹ	648.320.880	478.528.679
Chiết khấu thanh toán nhận được	-	599.045.653
Chênh lệch tỷ giá	-	-
Bán chứng khoán	2.008.340.880	2.280.533.673
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.411.503.000	2.666.087.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	202.262.240	-
Điều chuyển LNST để lại của các đơn vị thành viên	142.147.100	98.665.520
Cộng	4.412.574.100	6.122.860.525

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 31/03/2012
20. Chi phí hoạt động tài chính		
Chi phí lãi vay	11.416.755.418	21.816.785.985
Bán chứng khoán	626.650.662	868.815.993
Chênh lệch tỷ giá	2.453.824.836	3.146.722.385
Chi phí tài chính khác	735.224.777	
Cộng	15.232.455.693	25.832.324.363
	Từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 31/03/2012
21. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	3.903.053.413	3.871.264.546
Chi phí vật liệu bao bì, công cụ, dụng cụ	8.915.501	25.958.308
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.202.188.773	1.678.088.029
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.666.060.442	10.749.203.293
Chi phí khác bằng tiền	1.979.007.529	840.515.703
Cộng	21.759.225.658	17.165.029.879
	Từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 31/03/2012
22. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	4.326.105.340	3.368.011.037
Chi phí dụng cụ văn phòng	106.742.951	38.601.818
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.762.171.153	1.844.629.887
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.439.100.259	4.941.581.385
Chi phí bằng tiền khác	2.403.478.374	1.462.901.318
Cộng	16.037.598.077	11.655.725.445
	Từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 31/03/2012
23. Thu nhập khác		
Thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, phế liệu	783.745.029	2.850.201.834
Thu lãi quá hạn	490.064.000	3.220.372.622
Thu nhập khác	187.986.767	288.626.427
Cộng	1.461.795.796	6.359.200.883
	Từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 31/03/2012
24. Chi phí khác		
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.502.000	2.804.790.066
Khấu hao tài sản cố định thuê tài chính sử dụng cho thuê	1.945.770.146	
Các khoản tiền phạt	145.437.981	41.243.827
Chi phí liên quan đến lắp đặt máy móc thiết bị không vận hành và hoạt động theo yêu cầu	-	
Xử lý công nợ	-	
Xử lý kiểm kê	-	
Chi phí khác	28.114.021	32.430.783

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Cộng	2.121.824.148	2.878.464.676
	Từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 31/03/2012
25. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh tại các công ty:		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC	1.512.585.432	10.953.674.791
- Công ty TNHH Thép SMC	664.213.689	829.270.087
- Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	1.069.132.883	903.677.474
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC	2.844.672.130	757.082.370
- Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	873.581.411	1.332.257.725
- Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	-	-
- Công ty Cổ phần SMC Hà Nội	76.871.061	830.341.557
Chi phí thuế TNDN hiện hành đã trích	7.041.056.606	15.606.304.004
	Từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 31/03/2012
26. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	45.166.523.048	13.340.800.348
Các khoản điều chỉnh tăng / giảm lợi nhuận kế toán	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi ích cổ đông thiểu số	44.648.793	47.045.949
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	45.121.874.255	13.293.754.399
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	29.511.643	29.511.643
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.529	450
	Từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 31/03/2012
27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	115.658.452	64.560.126
Chi phí nhân công	8.229.158.753	7.239.275.583
Chi phí khấu hao	3.964.359.926	3.522.717.916
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.105.160.701	15.690.784.678
Chi phí khác bằng tiền	4.382.485.903	2.303.417.021
Cộng	37.796.823.735	28.820.755.324

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VII. Thông tin khác

I. Báo cáo bộ phận

Tại ngày 31/03/2013, Công ty báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý như sau:

	Hồ Chí Minh	Bình Dương	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hà Nội	Loại trừ	Cộng
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	1.569.442.080.379	307.188.719.847	574.085.712.093	59.316.144.147	-	2.510.032.656.466
Giữa các bộ phận	833.579.396.125	125.103.248.346	197.789.224.379	51.316.363.070	(1.207.788.231.920)	-
Tổng cộng	2.403.021.476.504	432.291.968.193	771.874.936.472	110.632.507.217	(1.207.788.231.920)	2.510.032.656.466
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Lợi nhuận gộp	35.032.633.636 (21.310.745.481)	8.023.123.754 (3.905.358.918)	51.822.119.719 (10.235.108.393)	4.842.191.134 (3.071.365.852)	1.764.245.091 725.754.909	101.484.313.334 (37.796.823.735)
Lợi nhuận / (lỗ) khác	821.574.064	195.269.678	1.097.788.146	215.032.280	(2.989.692.520)	(660.028.352)
Thu nhập tài chính	20.231.684.838 (10.350.617.066)	27.740.844 (159.313.826)	166.144.797 (5.008.199.629)	13.504.165 (1.691.877.484)	(16.026.500.544) 1.977.552.312	4.412.574.100 (15.232.455.693)
Lợi nhuận đầu tư LD, LK	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế	24.424.529.991	4.181.461.532	37.842.744.640	307.484.243	(14.548.640.752)	52.207.579.654
Thuế TNDN	2.386.166.843	1.069.132.883	3.508.885.819	76.871.061	-	7.041.056.606
Lợi nhuận sau thuế	22.038.363.148	3.112.328.649	34.333.858.821	230.613.182	(14.548.640.752)	45.166.523.048
Tài sản và nợ phải trả						
Tài sản của bộ phận	2.560.587.625.020	372.310.783.654	945.738.808.453	202.960.333.591	(1.319.490.059.193)	2.762.107.491.525
Tài sản thuế hoãn lại	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	2.560.587.625.020	372.310.783.654	945.738.808.453	202.960.333.591	(1.319.490.059.193)	2.762.107.491.525
Nợ phải trả của bộ phận	1.873.013.771.780	339.198.455.005	746.445.726.849	175.901.319.079	(980.378.992.472)	2.154.180.280.241

Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Nghiệp vụ các bên liên quan

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu:

Bên liên	Mối liên kết	Nội dung	Phải thu / (phải trả)
		Phải thu	9.451.267.708
		Trả trước người bán	1.200.000.000
		Phải trả người bán	24.839.065.325
		Phải trả khác	578.222.222
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	Công ty liên doanh	Bán hàng hoá	13.723.216.020
		Cung cấp dịch vụ	566.729.413
		Lãi ứng vốn	768.527.778
		Mua hàng hoá	93.994.554.746

3. Thông tin khác

	Kế hoạch 2013	Quý I năm 2013	Quý I năm 2012
Tổng Doanh thu	9.800.000.000.000	2.510.565.990.992	1.889.237.023.267
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông	70.000.000.000	45.121.874.255	13.293.754.399

- Doanh thu thực hiện Quý I năm 2013 tăng 33% so với cùng kỳ năm 2012.
- Lợi nhuận sau thuế thực hiện Quý I năm 2013 tăng 239% so với cùng kỳ năm 2012.

Nguyên nhân do:

- Lãi gộp tăng 66% tương ứng tăng 40,5 tỷ đồng.
- Lãi vay Ngân hàng giảm 28% tương ứng giảm 1,7 tỷ đồng.
- Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng 31% tương ứng tăng 9 tỷ đồng
- Lợi nhuận khác giảm 77% tương ứng giảm 4 tỷ đồng

Các nguyên nhân trên làm Lợi nhuận sau thuế Quý I/2013 thay đổi tăng 31,8 tỷ = 239% so với Quý I/2012



Đỗ Đoàn Thành Công
Người lập biểu



Nguyễn Bình Trọng
Kế toán trưởng




Nguyễn Ngọc Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 04 năm 2013